

**HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA
VỀ VIỆC
XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG BỘ QUA SÔNG HỒNG
THUỘC KHU VỰC BIÊN GIỚI LÀO CAI - HÀ KHẨU**

Để thúc đẩy và phát triển mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc, đáp ứng nhu cầu ngày một gia tăng của vận tải hành khách và hàng hoá qua lại giữa hai nước và tạo điều kiện thuận lợi cho sự qua lại của nhân dân giữa hai tỉnh biên giới, trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (dưới đây gọi tắt là hai Bên) cùng thoả thuận ký Hiệp định về xây dựng cầu đường bộ qua sông Hồng thuộc khu vực biên giới Lào Cai - Hà Khẩu (sau đây gọi tắt là Cầu) theo các điều khoản như sau:

**ĐIỀU 1
Quy định chung**

1. Địa điểm xây dựng Cầu:

1.1. Địa điểm xây dựng cầu tại phía Việt Nam: nằm trong khu thương mại Kim Thành, thành phố Lào Cai, trục tim cầu được xác định theo tọa độ mốc tương ứng với hai hệ tọa độ của hai nước như sau:

Theo hệ tọa độ GPS của Việt Nam:

- i. Điểm mốc của phía Việt Nam (Mốc T4)
 - Tọa độ theo phương X = 2492442.864
 - Tọa độ theo phương Y = 391000.775
- ii. Điểm mốc của phía Trung Quốc (Mốc T2)
 - Tọa độ theo phương X = 2492640.849
 - Tọa độ theo phương Y = 391038.953

1.2. Địa điểm xây dựng cầu tại phía Trung Quốc: nằm trong khu mới Bắc Sơn, huyện Hà Khẩu, trục tim cầu được xác định theo tọa độ mốc tương ứng với hai hệ tọa độ của hai nước như sau:

Theo hệ tọa độ kiến trúc xây dựng đô thị Trung Quốc (trên cơ sở của mạng GPS):

- i. Điểm mốc của phía Việt Nam (Mốc T4)
 - Tọa độ theo phương X = 2491976.543
 - Tọa độ theo phương Y = 497229.986
- ii. Điểm mốc của phía Trung Quốc (Mốc T2)
 - Tọa độ theo phương X = 2492194.526
 - Tọa độ theo phương Y = 497268.174

2 Cơ quan chủ quản của mỗi Bên:

2.1 Phía Việt Nam là Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

2.2 Phía Trung Quốc là Bộ Giao thông nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

3 Đơn vị được giao thi công, bảo dưỡng, quản lý Cầu của mỗi Bên:

3.1 Phía Việt Nam là Sở Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai,

3.2 Phía Trung Quốc là Ty Giao thông tỉnh Vân Nam.

ĐIỀU 2

Xây dựng và quản lý

1. Việc xây dựng Cầu không được làm thay đổi hướng dòng chảy, không làm thu hẹp lòng sông tại khu vực cầu; không làm thay đổi đường biên giới hiện tại giữa hai nước, không làm ảnh hưởng đến công tác phân giới, cắm mốc của hai nước và phải bảo đảm an toàn cho các công trình kiến trúc vĩnh cửu sẵn có ven hai bờ sông, đảm bảo yêu cầu về thông thuyền và giữ gìn môi trường sinh thái của dòng sông và đảm bảo những yếu tố an toàn khác.
2. Cầu do hai Bên cùng xây dựng. Sau khi xây dựng, hai Bên thống nhất lấy đường chia đều nhịp chính vuông góc với trục tim cầu làm ranh giới của cầu. Phần cầu của Bên nào là tài sản của Bên đó và do Bên đó tự tiến hành duy tu, bảo dưỡng và quản lý.
3. Đường chia đều nhịp chính vuông góc với trục tim cầu được xác định tại vị trí một phần hai (1/2) khoảng cách của mép ngoài hai đỉnh kê đã có tại bờ sông mỗi Bên (khoảng cách được hai bên thống nhất là 194,02 m). Đường chia đều nhịp chính vuông góc với trục tim cầu chỉ là đường ranh giới phân định để quản lý sau khi cầu xây dựng xong và không Bên nào được lấy đó làm căn cứ để xác định biên giới.

ĐIỀU 3

Quy mô xây dựng

1. Cầu được xây dựng bằng bê tông dự ứng lực gồm 5 nhịp dầm liên tục, bố trí theo sơ đồ 38+56+92+56+38m, trụ cầu nhịp chính hình chữ V.
2. Cao độ mặt Cầu tại vị trí hợp long được xác định là 99,61m (theo hệ cao độ dự án), chiều rộng toàn bộ của cầu là 21,5 mét.

ĐIỀU 4 Thiết kế và thi công

1. Hai Bên thống nhất, Tổ chuyên gia kỹ thuật liên hợp tiến hành công tác chuẩn bị trong thời kỳ đầu (sau đây gọi tắt là "Tổ chuyên gia") phụ trách việc bàn bạc và thống nhất về tiêu chuẩn kỹ thuật, hoàn thành việc thiết kế công trình cầu chính, và mỗi Bên tự hoàn thành việc thiết kế công trình đường dẫn của mình.
2. Trước khi thi công Cầu, phương án thiết kế về tổ chức thi công của các Bên phải được Tổ chuyên gia bàn bạc, thống nhất.
3. Cầu do hai Bên cùng đầu tư xây dựng.
4. Phần cầu tính từ điểm giữa cầu về phía bờ sông của mỗi Bên, cũng như đường dẫn vào cầu và các công trình liên quan của mỗi Bên sẽ do Bên đó tự đảm nhận việc xây dựng đúng theo phương án thiết kế đã được Tổ chuyên gia hoàn thành và được phê duyệt, đồng thời phải đảm bảo phù hợp với tiến độ xây dựng chung.
5. Đốt hợp long của nhịp chính của Cầu sẽ do phía Trung Quốc đảm nhận thi công, phía Việt Nam chịu trách nhiệm giám sát.

ĐIỀU 5 Kinh phí xây dựng

1. Kinh phí xây dựng Cầu kể từ đốt hợp long về phía bờ của mỗi Bên, đường dẫn vào cầu và các hạng mục công trình liên quan do mỗi Bên đảm nhận.
2. Mỗi Bên đảm nhận 50% kinh phí xây dựng đốt hợp long của nhịp giữa của Cầu. Dự toán công trình do hai Bên cùng thẩm định.

ĐIỀU 6 Trao đổi và thống nhất

1. Vì có sự khác nhau trong tiêu chuẩn và quy phạm xây dựng, hai Bên đồng ý sử dụng những biên bản hội đàm và tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan đã được Tổ chuyên gia bàn bạc và thống nhất để làm cơ sở cho việc thiết kế và thi công Cầu.
2. Thiết kế tổng thể của Cầu sẽ do Tổ chuyên gia thoả thuận, thống nhất.
3. Trong quá trình thiết kế và xây dựng Cầu, các vấn đề kỹ thuật cũng như các vấn đề liên quan khác do Tổ chuyên gia cùng bàn bạc, thống nhất và phải được trình lên cơ quan có thẩm quyền nêu tại Điều 1 của Hiệp định này hoặc cơ quan được ủy quyền xem xét, phê duyệt.

ĐIỀU 7

Đơn giản hoá thủ tục

Nhằm tạo thuận lợi cho việc xây dựng Cầu, đồng thời với việc ký kết Hiệp định này, hai Bên cùng ký kết Nghị định thư giữa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa về việc đơn giản hoá thủ tục qua lại cho nhân viên, phương tiện giao thông, vật liệu xây dựng, thiết bị thi công tại cửa khẩu Lào Cai - Hà Khẩu để cùng xây dựng Cầu đường bộ qua sông Hồng trên biên giới. Nghị định thư là một văn bản không thể tách rời của Hiệp định này.

ĐIỀU 8

Sử dụng và quản lý

Biện pháp sử dụng, quản lý cũng như giải quyết các vấn đề có liên quan sẽ do các cơ quan có thẩm quyền được nêu tại Điều 1 của Hiệp định này bàn bạc, thoả thuận.

ĐIỀU 9

Hiệu lực và thời hạn

1. Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày hai Bên trao đổi công hàm ngoại giao, khẳng định đã hoàn tất các thủ tục pháp lý của mỗi Bên theo quy định để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này có hiệu lực trong khoảng thời gian năm năm kể từ ngày có hiệu lực, và tự động được gia hạn hiệu lực cho các khoảng thời gian năm năm tiếp theo. Hiệp định này sẽ chấm dứt sau sáu tháng kể từ ngày một Bên thông báo qua đường ngoại giao cho Bên kia ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này.

Làm tại Lào Cai ngày 16 tháng 2 năm 2006 thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung, các văn bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HOÀ NHÂN DÂN
TRUNG HOA

